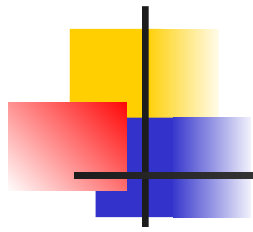


IT4785 – Phát triển ứng dụng thiết bị di động



Ôn tập giữa kỳ



Basic Widget



Câu 1.

Lớp Listener cho đối tượng Button cần thực hiện giao diện nào:

- a. View.OnClickListener
- b. Button.OnClickListener
- c. Widget.OnClickListener



Câu 2.

Hàm xử lý sự kiện cho đối tượng Button là:

- a. `public void onClick(View v)`
- b. `public void onClick(Button v)`
- c. `public void setOnClick(View v)`



Câu 3.

TextView có khả năng hiển thị văn bản ở định dạng HTML không?

- a. Có
- b. Không



Câu 4.

TextView có khả năng hiển thị văn bản có chứa ký tự “\n” không?

- a. Có
- b. Không



Câu 5.

TextView có khả năng hiển thị văn bản có chứa ký tự “\t” không?

- a. Có
- b. Không



Câu 6.

Để MainActivity có thể bắt các sự kiện Button thì cần khai báo như thế nào?

- a. `public class MainActivity extends Activity implements OnClickListener`
- b. `public class MainActivity extends Activity, OnClickListener`
- c. `public class MainActivity implements Activity, OnClickListener`
- d. `public class MainActivity implements Activity and OnClickListener`



Câu 7.

Trong phương thức `public void
onClick(View v)`, để lấy id của `v`:

- a. `v.getId()`
- b. `v.id`
- c. `v.id()`
- d. `getId(v)`



Câu 8.

Lớp Listener View.OnClickListener có khả năng lắng nghe sự kiện từ bao nhiêu đối tượng Button:

- a. Cho phép nhiều đối tượng.
- b. Chỉ một đối tượng duy nhất
- c. Không thể lắng nghe.
- d. Bắt buộc phải lắng nghe tối thiểu 2 đối tượng.



Câu 9.

Đối tượng ImageButton khi khai báo trong file Layout (định dạng XML) đặt ảnh bằng thuộc tính:

- a. android:src
- b. android:image
- c. android:img
- d. android:source



Câu 10.

Đối tượng Button cho phép :

- a. Chỉ hiển thị text
- b. Chỉ hiển thị icon
- c. Cho phép hiển thị cả text và cả icon
- d. Khi hiển thị icon thì bắt buộc phải hiển thị cả text



Câu 11.

Icon của độ phân giải mdpi có kích thước chuẩn :

- a. 48 x 48 pixels
- b. 32 x 32 pixels
- c. 56 x 56 pixels
- d. 40 x 40 pixels



Câu 12.

Icon của độ phân giải hdpi có kích thước chuẩn :

- a. 72 x 72 pixels
- b. 80 x 80 pixels
- c. 64 x 64 pixels
- d. 68 x 68 pixels



Câu 13.

Để lấy chuỗi ký tự từ một EditText txtBox thì sử dụng câu lệnh:

- a. `txtBox.getText().toString()`
- b. `txtBox.getText()`
- c. `txtBox.getText().toStr()`
- d. `getString(txtBox.getText())`



Câu 14.

Để đặt một chuỗi ký tự cho EditText
txtBox thì sử dụng câu lệnh:

- a. `txtBox.setText("someValue")`
- b. `txtBox.setString("someValue")`
- c. `txtBox.setTxt("someValue")`
- d. `txtBox.setStr("someValue")`



Câu 15.

Ô EditText cho phép đặt định dạng nhập dữ liệu bằng thuộc tính khai báo trong file Layout (định dạng XML) :

- a. android:inputType
- b. android:inputPattern
- c. android:inputSample
- d. Không cho phép



Câu 16.

Để làm mờ một Button btn, sử dụng câu lệnh:

- a. `btn.setEnabled(false)`
- b. `btn.setEnabled(true)`
- c. `btn.enabled=false`
- d. `btn.enabled=True`



Câu 17.

Để khai báo một hằng chuỗi ký tự trong file `res/values/strings.xml`, sử dụng thẻ XML sau:

- a. `<string>`
- b. `<str>`
- c. `<text>`
- d. Đáp án khác



Câu 18.

Điều khiển để hiển thị một dòng văn bản trong Android

- a. TextView
- b. Label
- c. StringView
- d. Đáp án khác



Câu 19.

Điều khiển cho phép nhập một dòng văn bản trong Android

- a. EditText
- b. StringText
- c. InputText
- d. Đáp án khác



Câu 20.

Điều khiển tạo nút bấm trong Android

- a. Button
- b. Click
- c. Input
- d. Đáp án khác



Câu 21.

Để kiểm tra trạng thái của một CheckBox chk sử dụng phương thức sau:

- a. `chk.isChecked()`
- b. `chk.isChecked`
- c. `chk.check`
- d. `chk.checked`



Câu 22.

Để đặt trạng thái của RadioButton trong file Layout, sử dụng thuộc tính sau:

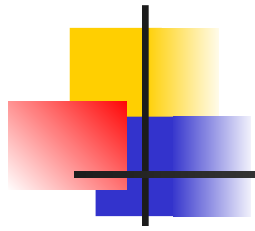
- a. `android:checked="true"`
- b. `android:check="true"`
- c. `android:setcheck="true"`
- d. thuộc tính khác



Câu 23.

Để lấy id của RadioButton đang được check trong một nhóm RadioGroup radGroup, sử dụng câu lệnh sau:

- a. `int radiold = radCoffeeType.getCheckedRadioButtonId();`
- b. `int radiold = radCoffeeType.getCheckRadioButtonId();`
- c. `int radiold = radCoffeeType.checkedRadioButtonId();`
- d. `int radiold = radCoffeeType.checkRadioButtonId();`



List Based Widget



Câu 24.

Khi ListView có nhiều thành phần vượt quá màn hình, để xem các thành phần phía dưới, cần phải thực hiện kỹ thuật sau:

- a. Không cần bổ sung thêm kỹ thuật nào, ListView đã có cơ chế tự động cuộn màn hình.
- b. Cần bổ sung thêm ScrollView để bao bọc ListView
- c. Cần bổ sung thêm thuộc tính `scroll="true"` khi khai báo ListView
- d. Cần bổ sung code trong file Activity :
`listView.setScroll(True)`



Câu 25.

Trong câu lệnh tạo Adapter sau, đối tượng this biểu thị:

```
String[] items = { "Data-0", "Data-1", "Data-2", "Data-3",  
"Data-4", "Data-5", "Data-6", "Data-7" };  
ArrayAdapter<String> adapter = new  
ArrayAdapter<String>(this,  
android.R.layout.simple_list_item_1,  
items );
```

- a. Activity hiện tại
- b. Đối tượng adapter
- c. Đối tượng ListView
- d. Đối tượng String



Câu 26.

Trong câu lệnh tạo Adapter sau, file
`android.R.layout.simple_list_item_1`

- a. Đã có sẵn trong môi trường Android
- b. Cần tạo file `simple_list_item_1.xml` riêng trong thư mục `res/layout`
- c. Cần tạo file `simple_list_item_1.xml` riêng trong thư mục `res/layout/android`
- d. Cần tạo file `simple_list_item_1.java` riêng trong thư mục `res/layout`



Câu 27.

Khi khai báo một Activity như sau:

```
public class ListViewDemo extends ListActivity
```

Để sử dụng được ListView trong Activity này thì cần thực hiện kỹ thuật sau:

- a. Cần bổ sung ListView vào file layout với id là `@android:id/list`
- b. Cần bổ sung ListView vào file layout với id là `@default:id/list`
- c. Cần bổ sung ListView vào file layout với id là `@+id/list`
- d. Không cần bổ sung ListView vào file layout, Activity này đã có sẵn ListView



Câu 28.

Khi khai báo một Activity như sau:

```
public class ListViewDemo extends ListActivity
```

Để thiết lập Adapter cho ListView trong Activity này thì cần thực hiện kỹ thuật sau:

- a. Gọi trực tiếp câu lệnh `setListAdapter` trong Activity
- b. Gọi trực tiếp câu lệnh `setAdapter` trong Activity
- c. Phải tìm lại đối tượng ListView và sau đó gọi phương thức `setListAdapter` trên đối tượng này
- d. Phải tìm lại đối tượng ListView và sau đó gọi phương thức `setAdapter` trên đối tượng này



Câu 29.

Khi khai báo một Activity như sau:

```
public class ListViewDemo extends ListActivity
```

Để bắt sự kiện người dùng chọn một mục trên ListView

- a. Viết trực tiếp hàm `protected void onItemClick` trong Activity
- b. Viết trực tiếp hàm `protected void onItemClick` trong Activity
- c. Phải tìm lại đối tượng ListView và sau đó gọi phương thức `onItemClick` trên đối tượng này
- d. Phải tìm lại đối tượng ListView và sau đó gọi phương thức `getItemClickListener` trên đối tượng này



Câu 30.

Trong hàm bắt sự kiện người dùng chọn một mục trên ListView sau:

```
protected void onItemClick(ListView l, View v, int position, long id)
```

Tham số position biểu thị:

- a. Số thứ tự của dòng được người dùng chọn trên ListView, chỉ số bắt đầu từ 0.
- b. Số thứ tự của dòng được người dùng chọn trên ListView, chỉ số bắt đầu từ 1.
- c. Vị trí của ListView trong Activity
- d. Ý nghĩa khác



Câu 31.

Khi khai báo một Activity như sau:

```
public class ListViewDemo extends Activity
```

Để thiết lập Adapter cho ListView trong Activity này thì cần thực hiện kỹ thuật sau:

- a. Gọi trực tiếp câu lệnh `setListAdapter` trong Activity
- b. Gọi trực tiếp câu lệnh `setAdapter` trong Activity
- c. Phải tìm lại đối tượng ListView và sau đó gọi phương thức `setListAdapter` trên đối tượng này
- d. Phải tìm lại đối tượng ListView và sau đó gọi phương thức `setAdapter` trên đối tượng này



Câu 33.

Khi khai báo một Activity như sau:

```
public class ListViewDemo extends Activity
```

Để sử dụng được ListView trong Activity này thì cần thực hiện kỹ thuật sau:

- a. Cần bổ sung ListView vào file layout với id là `@android:id/list`
- b. Cần bổ sung ListView vào file layout với id là `@default:id/list`
- c. Cần bổ sung ListView vào file layout với id do người lập trình tự đặt, ví dụ `@+id/my_list`
- d. Không cần bổ sung ListView vào file layout, Activity này đã có sẵn ListView



Câu 34.

Để bắt sự kiện người dùng chọn một mục trên ListView, cần sử dụng câu lệnh sau khi thiết lập đối tượng Listener :

- a. `myListView.setOnItemClickListener`
- b. `myListView.setOnClickListener`
- c. `myListView.getItemClickListener`
- d. `myListView.setOnListViewClickListener`



Câu 35.

Để bắt sự kiện người dùng chọn một mục trên ListView, cần viết phương thức sau

- a. `public void onItemClick`
- b. `public void onListItemClick`
- c. `public void onListClick`
- d. `public void getItemClick`



Câu 36.

Để tùy biến ListView, cần viết lớp Adapter sau:

a. `public class MyCustomAdapter extends ArrayAdapter`

b. `public class MyCustomAdapter extends ListAdapter`

c. `public class MyCustomAdapter extends ListViewAdapter`

d. `public class MyCustomAdapter extends ViewAdapter`



Câu 37.

Để tùy biến ListView, cần viết lớp Adapter mới thì cần tùy biến phương thức sau :

- a. `public View getView`
- b. `public ListView getView`
- c. `public View getViewOfList`
- d. `public View getListView`



Câu 38.

Khi tùy biến ListView, trong hàm getView của Adapter, để tạo ra giao diện với layout vừa thiết kế cho từng dòng của ListView, sử dụng đối tượng sau:

- a. LayoutInflater inflater
- b. ListViewInflater inflater
- c. ViewInflater inflater
- d. RowInflater inflater



Câu 39.

Khi tùy biến ListView, trong hàm getView của Adapter, để tìm các đối tượng đã được tạo ra trong View row (là View được tạo ra để tùy biến dòng tương ứng trong ListView), sử dụng câu lệnh sau:

- a. row.findViewById
- b. findViewById
- c. ListView.row.findViewById
- d. Adapter.row.findViewById



Câu 40.

Điều khiển trong Android cho phép chọn một mục trong một tập các mục đã có sẵn:

- a. Spinner
- b. ComboBox
- c. CheckBox
- d. CheckListBox



Câu 41.

Để thiết lập đối tượng Listener cho Spinner, sử dụng câu lệnh

- a. `spinner.setOnItemSelectedListener`
- b. `spinner.setOnItemClickListener`
- c. `spinner.setOnItemChoiceListener`
- d. `spinner.setOnItemSelectListener`



Câu 42.

Để bắt sự kiện người dùng chọn một mục trong Spinner, sử dụng phương thức

- a. `public void onItemSelected`
- b. `public void onItemSelect`
- c. `public void onItemChoice`
- d. `public void onItemClick`



Câu 43.

Để đặt số cột trong GridView, sử dụng thuộc tính :

- a. android:numColumns
- b. android:numCols
- c. android:numColumn
- d. android:numObject



Câu 44.

Để đặt khoảng cách giữa các cột trong GridView, sử dụng thuộc tính:

- a. `android:horizontalSpacing`
- b. `android:horizontalPixel`
- c. `android:horizontalDistance`
- d. `android:horizontalMargin`



Câu 40.

Với điều khiển `AutoCompleteTextView`, để đặt số ký tự người dùng cần gõ vào để điều khiển này gợi ý các lựa chọn, sử dụng thuộc tính:

- a. `android:completionThreshold`
- b. `android:completionNumberThreshold`
- c. `android:thresholdNumberCharacter`
- d. `android:completionThresholdCharacter`



Câu 46.

Lớp để lắng nghe sự kiện thay đổi nội dung trong các điều khiển văn bản là:

- a. TextWatcher
- b. TextListener
- c. TextChangeListener
- d. TextVariableListener



Câu 47.

Để bắt sự kiện người dùng thay đổi nội dung trong `AutoCompleteTextView`, sử dụng phương thức:

- a. `public void onTextChanged`
- b. `public void onTextFinish`
- c. `public void onAutoTextComplete`
- d. `public void onTextComplete`

Đáp án: a